TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2018/KDTM-ST
Ngày:16/5/2018.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Ngô Văn Thoa.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang*** tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Nhất – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2017/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ngân hàng NN.

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quân B, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng G – Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II. Tại Quyết định uỷ quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng NN.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy S – Trưởng phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng NN, Chi nhánh Bắc Giang II. Tại Giấy uỷ quyền ngày 08/12/2016 và Giấy uỷ quyền ngày 17/8/2017, (có mặt tại phiên toà).

2. **Bị đơn**: DNTN: Ông Nguyễn Hữu T(vắng mặt tại phiên toà).

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm 1954 (có mặt).
- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1955.
- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980.

Đều uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Hữu X, theo Giấy uỷ quyền ngày 03/9/2017, (có mặt tại phiên toà).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978.
- Bà Trần Thị A, sinh năm 1978.

- Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B.

(Đều vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Đại diện Ngân hàng NN, Chi nhánh Bắc Giang II (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng Bắc Giang II) ông Nguyễn Huy S trình bày:

Ngày 19/03/2014, Ngân hàng hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Bắc Giang nay là Ngân hàng NN, Chi nhánh Bắc Giang II và DNTN đã ký hợp đồng tín dụng số 2501LAV201400302, theo đó Ngân hàng Bắc Giang II đã chấp nhận cho DNTN vay số tiền là: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn). Dư nợ của hợp đồng tín dụng đến ngày 26/09/2017 là: 1.350.000.000 đồng (Một tỷ Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

- Mục đích sử dụng vốn vay: Kinh doanh xăng dầu.
- Lãi suất trên hợp đồng tín dụng: 8 %/năm.
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng.
- Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 19/03/2014 (được gia hạn hạn mức tín dụng từ ngày 19/03/2015 đến ngày 19/03/2016).
- Hình thức bảo đảm: Cho vay có tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 1223392, 1223393, 1223394 ngày 07/11/2012; cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 1223392/HĐTC ngày 07/ 11/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Khai thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, thế chấp quyền sử dụng 40m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W073459, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00604/QSDĐ/QĐ số 2194/QĐ-CT(H) do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003 cho hộ ông Nguyễn Hữu T.

2. Hợp đồng thế chấp số 1223393/HĐTC ngày 07/11/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Khai thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (nhà ở cấp 4 diện tích 60m^2). Diện tích đất thế chấp 308m^2 gắn liền với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S795557; số vào sổ cấp giấy: 00634/QSDĐ/QĐ số 716/QĐ-UB(H) do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001 cho hộ ông Nguyễn Hữu T.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản số 1223394/HĐTC ngày 07/11/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Khai thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, thế chấp quyền sử dụng 96m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BB137602, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00633/QSDĐ/QĐ số 432/QĐ-UBND do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010 cho ông Nguyễn Hữu Tvà bà Trần Thị A.

Đã quá thời hạn trả nợ ngày 28/09/2015 mà bên vay ông Nguyễn Hữu Tlà DNTN không thanh toán nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu

cầu *(bằng thông báo và biên bản làm việc yêu cầu trả nợ),* nên Ngân hàng Bắc Giang II đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Hữu Tlà DNTN phải hoàn trả Ngân hàng Bắc Giang II: Tổng cộng cả gốc và lãi đến nay là: **1.962.112.153** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm, sáu mươi hai triệu, một trăm mười hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó tiền vốn là 1.350.000.000 đồng, lãi phát sinh là 612.112.153 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu Tlà DNTN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị được phát mại tài sản đã thế chấp của ông Nguyễn Hữu Tvà bà Trần Thị A để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Bắc Giang II.

Bị đơn là DNTN là ông Nguyễn Hữu T: Trong quá trình làm việc Toà án đã tiến hành niêm yết tại nơi cư trú các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng ông Nguyễn Hữu Tvẫn không có mặt để làm việc. Mặt khác, ông Nguyễn Hữu Tcũng đã bị Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tuyên bố vắng mặt tại nơi cư trú trong một vụ việc khác. Nên Toà án không thể làm việc được với ông Tuyên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định như sau:

- Bà Phạm Thị M và anh Nguyễn Hữu T không có văn bản ghi ý kiến, nhưng đều uỷ quyền giải quyết vụ án cho ông Nguyễn Hữu X, đồng thời ông Xu xác định:

Ông và gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án bổ sung mà Tòa án gửi. Ông là bố của anh Nguyễn Hữu T. Ông đã được bà Mùi, anh Tuân ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án. Ông thay mặt những người được ủy quyền trình bày như sau:

Ông và gia đình biết việc anh Tuyên và chị Ái đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản sau với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh thành phố Bắc Giang (nay là Chi nhánh Bắc Giang II) gồm:

+ Hợp đồng thế chấp số 1223392/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 40 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W073459 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003.

+ Hợp đồng thế chấp số 1223393/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ và tài sản trên đất (nhà ở cấp 4 diện tích 60m^2); Diện tích đất 308 m^2 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795557 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001.

+ Hợp đồng thế chấp số 1223394/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 96 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137602 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010.

Trong đó:

+ Thửa 96 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137602 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010 là tài sản riêng của vợ chồng anh Tuyên và chị Ái.

+ Thửa đất 40 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W073459 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003 và diện tích đất 308 m^2 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số S795557 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001 là tài sản chung của hộ gia đình ông, được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho các thành viên gồm: Ông, anh Tuyên, chị Ái, bà Mùi, anh Tuân và cháu Quang. Ngoài ra, không còn ai khác.

Mặc dù, không được tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp đối với các tài sản trên với Ngân hàng nhưng trước khi ký hợp đồng thế chấp thì anh Tuyên có nói với ông và gia đình biết và ông và gia đình đều biết việc anh Tuyên ký kết các Hợp đồng thế chấp trên là để đảm bảo cho khoản vay 2.000.000.000 đồng của DNTN là anh Nguyễn Hữu T, ông và gia đình không có ý kiến gì về việc ký kết hợp đồng thế chấp này.

Việc anh Tuyên ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và việc anh Tuyên nhận, sử dụng tiền vay cụ thể như thế nào thì ông và gia đình không nắm rõ. Nay theo thông báo thụ lý của Tòa án thì ông và gia đình mới được biết Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên vẫn còn nợ tiền Ngân hàng. Hiện anh Tuyên đã đi khỏi đi phương hơn hai năm, không liên lạc gì với ông và gia đình, ông và gia đình cũng không biết anh Tuyên ở đâu.

Hiện tại, ông và gia đình mong muốn Ngân hàng cho gia đình trả nợ dần và cho giải chấp các tài sản thế chấp để gia đình chủ động bán tài sản để có tiền trả nợ ngân hàng. Trường hợp, ngân hàng không đồng ý như vậy và Ngân hàng có yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo ba hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ thì ông và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị A:

Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án mà Tòa án gửi. Chị là vợ của anh Nguyễn Hữu T. Chị cùng anh Tuyên đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản sau với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố Bắc Giang (nay là Chi nhánh Bắc Giang II):

+ Hợp đồng thế chấp số 1223392/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 40 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W073459 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003.

+ Hợp đồng thế chấp số 1223393/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ và tài sản trên đất (nhà ở cấp 4 diện tích 60m^2); Diện tích đất 308 m^2 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795557 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001.

+ Hợp đồng thế chấp số 1223394/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 96 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137602 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010.

Các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp trên đều thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của vợ chồng chị và của chung gia đình. Việc anh chị ký kết ba Hợp đồng thế chấp trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì. Mục đích anh chị ký kết các Hợp đồng thế chấp trên là để đảm bảo cho khoản vay 2.000.000.000 đồng của DNTN là ông Nguyễn Hữu T. Việc ông Tuyên ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và việc ông Tuyên nhận, sử dụng tiền vay như thế nào thì chị không biết. Nay theo Thông báo thụ lý của Tòa án thì chị mới được biết, Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên vẫn còn nợ tiền Ngân hàng. Hiện anh Tuyên đã đi khỏi đi phương hơn hai năm, không liên lạc gì với chị, chị cũng

không biết anh Tuyên ở đâu. Chị không đủ khả năng để trả nợ cho thay anh Tuyên, chị mong phía Ngân hàng cho DNTN và gia đình chị có thời gian để thu xếp trả nợ. Trường hợp, các bên không thể thỏa thuận được với nhau, Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên không trả được nợ và Ngân hàng có yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo ba Hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Đề nghị:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN – Chi nhánh Bắc Giang II.

2. Buộc Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên là ông Nguyễn Hữu Tphải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 16/5/2018 là 1.962.112.153 đồng (trong đó tiền gốc là 1.350.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 437.384.028 đồng, tiền lãi quá hạn là 175.247.569 đồng).

3. Trường hợp Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên là ông Nguyễn Hữu Tkhông thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp số 1223394 ngày 07/11/2012 để thu hồi nợ.

4. Bác yêu cầu phát mại tài sản đối với hai hợp đồng thế chấp số 1223392 và 1223393 ngày 07/11/2012.

5. Về án phí: Doanh nghiệp tư nhân Hữu Tuyên và Ngân hàng NN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Việc khởi kiện của Ngân hàng Bắc Giang II đối với DNTN có Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp tư nhân của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/7/2006 và cấp thay đổi lần 01 ngày 05/11/2012 và Hợp đồng tín dụng giữa các bên được thực hiện trên địa bàn thành phố Bắc Giang và sự thoả thuận lựa chọn Toà án giải quyết ghi trong hợp đồng. Đây là vụ án kinh doanh thương mại. Nay xảy ra tranh chấp về việc thanh toán Hợp đồng tín dụng số: 2501LAV201400302 ngày 19/3/2014 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là DNTN (ông Nguyễn Hữu T), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Ái, anh Quang) vắng mặt tại phiên tòa, Toà án giao các văn bản tố tụng để triệu tập và niêm yết giấy triệu tập phiên toà đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Thời gian ký kết hợp đồng ngày 19/3/2014 và được gia hạn thêm 12 tháng, ngày 09/12/2016 Ngân hàng hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Bắc Giang nay là Ngân hàng NN, Chi nhánh Bắc Giang II nộp đơn khởi kiện tại Toà án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp:

Ngày 19/03/2014, Ngân hàng hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Bắc Giang nay là Ngân hàng NN, Chi nhánh Bắc Giang II và Doanh nghiệp tư nhân Hữu Tuyên đã ký hợp đồng tín dụng 2501LAV201400302, theo đó Ngân hàng Bắc Giang II đã chấp nhận cho DNTN vay số tiền là: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn). Quá trình vay nợ thì DNTN đã thanh toán được tiền vốn là 650.000.000 đồng, tiền lãi 513.000 đồng. Dư nợ của hợp đồng tín dụng đến ngày 16/5/2018 là: 1.350.000.000 đồng (Một tỷ Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) tiền vốn; 612.112.153 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.962.112.153 đồng.

Toàn bộ dư nợ nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 1223392/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 40 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W073459 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003.

+ Hợp đồng thế chấp số 1223393/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ và tài sản trên đất (nhà ở cấp 4 diện tích 60m^2); Diện tích đất 308 m^2 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795557 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001.

+ Hợp đồng thế chấp số 1223394/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 96 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137602 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010.

Giữa các bên tham gia ký kết vay tiền và thế chấp tài sản đều tự nguyện, cam kết rõ ràng. Mặc dù, các thành viên khác của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Xu, gồm: Ông Nguyễn Văn Xu, bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu Q không trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của gia đình, nhưng họ đều biết việc anh Tuyên thế chấp để vay vốn kinh doanh và nay đều không có ý kiến gì về việc anh Tuyên thế chấp để vay vốn. Do đó, hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng và chủ thể giao kết hợp đồng của hợp đồng tín dụng trên đều phù hợp với các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện:

Đại diện Ngân hàng Bắc Giang II yêu cầu DNTN phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng số tiền đã vay và nợ cùng lãi suất tính đến ngày kết thúc

phiên toà sơ thẩm (16/5/2018) tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005,

Tổng cộng: 1.962.112.153 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, một trăm mười hai nghìn,một trăm năm mươi ba đồng)

[6]. Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khoản vay tại hợp đồng tín dụng Ngân hàng Bắc Giang II yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân Hữu Tuyên và bên thứ ba trong trường hợp Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên không trả được khoản nợ, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận theo Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005, bởi lẽ: Việc thế chấp của bên thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, việc thế chấp hoàn toàn hợp pháp. Qua việc thẩm định tài sản thế chấp, thì tài sản thế chấp vẫn còn tồn tại và đang được bên thế chấp quản lý, không có tranh chấp gì.

Trong trường hợp Chủ Doanh nghiệp Hữu Tuyên là ông Nguyễn Hữu Tkhông thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II thì Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm thế chấp của người thế chấp, cụ thể các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp của bên thứ ba, gồm:

1. Hợp đồng thế chấp số 1223392/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 40 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W073459 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003.

2. Hợp đồng thế chấp số 1223393/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ và tài sản trên đất (nhà ở cấp 4 diện tích 60m^2); Diện tích đất 308 m^2 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795557 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001.

3. Hợp đồng thế chấp số 1223394/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 96 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137602 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc DNTN phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Bắc Giang II toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Về lãi suất chậm trả: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao để tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Toà

án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II đối với DNTN là ông Nguyễn Hữu Tvà thế chấp của bên thứ ba.

2. Buộc DNTN là ông Nguyễn Hữu Tphải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II: Tiền vốn: 1.350.000.000 đồng; tiền lãi 612.112.153 đồng.

Tổng cộng: 1.962.112.153 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, một trăm mười hai nghìn,một trăm năm mươi ba đồng)

3. Trong trường hợp DNTN là ông Nguyễn Hữu Tkhông thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II thì Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm thế chấp của người thế chấp, cụ thể các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp của bên thứ ba, gồm:

3.1. Hợp đồng thế chấp số 1223392/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 40 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W073459 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 12/11/2003.

3.2. Hợp đồng thế chấp số 1223393/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ và tài sản trên đất (nhà ở cấp 4 diện tích 60m^2); Diện tích đất 308 m^2 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795557 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 20/11/2001.

3.3. Hợp đồng thế chấp số 1223394/HĐTC ngày 07/11/2012, thế chấp QSDĐ 96 m^2 đất ở tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137602 do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 09/02/2010.

4. Về án phí:

DNTN là ông Nguyễn Hữu Tphải nộp 70.863.000 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng NN - Chi nhánh Bắc Giang II số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001827 ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/5/2018) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Trần Kiên